

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2026/DS-PT
Ngày 17 - 4 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Đức Chính

Các Thẩm phán: Bà Lương Thị Nguyệt

Ông Vi Đức Trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Như Luật - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoàng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2025/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 80/2025/QĐ-PT ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1965. Căn cước công dân số 0201650***** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính và trật tự xã hội cấp; cư trú tại: Số B đường K, Khu A, xã H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983. Căn cước công dân số 0201830***** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính và trật tự xã hội cấp; cư trú tại: Số C đường J, khu A, xã H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hằng N, bà Nguyễn Thị Phương L, bà Đào Thị Bích N – Luật sư Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Số S, phường G, Thành phố Hà Nội; đều vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nông Phúc H, sinh năm 1960; cư trú tại: Số B đường K, Khu A, xã H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nông Phúc H: Bà Nguyễn Thị Kim H; Số B đường K, Khu A, xã H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị T, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Nguyễn Thị Kim H trình bày: Do có quan hệ quen biết với Nguyễn Thị T nên từ cuối năm 2013, bà cho bà Nguyễn Thị T nhiều lần vay tiền, có lần đã thanh toán, có lần chưa thanh toán. Ngày 09-7-2014 âm lịch (*ngày, tháng thể hiện trong các tài liệu do đương sự giao nộp liên quan đến việc vay nợ đều là ngày âm lịch, nên sau đây chỉ ghi ngày, tháng, năm và xác định là ngày, tháng, năm âm lịch*), bà Nguyễn Thị T có ký Giấy vay tiền với nội dung vay số tiền 2.429.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, thời hạn vay 01 tháng. Sau khi viết xong Giấy vay tiền, bà T đã đọc và ký nhận người vay tiền, còn bà ký người cho vay, bà Nguyễn Thị T1 ký người làm chứng.

Bà và bà Nguyễn Thị T cùng thỏa thuận thống nhất: Nếu trong vòng 01 tháng, bà T có đủ tiền trả cả gốc và lãi cho bà thì gạch bỏ, xé luôn giấy vay tiền. Nếu bà T trả một phần gốc và lãi thì lấy số tiền bà T trả trừ đi số tiền lãi còn bao nhiêu bà trừ vào số tiền gốc, viết lại giấy mới với số tiền gốc mới, gạch bỏ giấy vay tiền cũ. Nếu bà T chưa có tiền trả nợ gốc thì đến cuối kỳ hàng tháng, bà T phải trả lãi, với lãi suất thỏa thuận là 2% trên tổng số tiền vay và gia hạn vào tháng tiếp theo.

Đến hạn trả nợ ngày 09-8-2014, bà Nguyễn Thị T không trả được tiền theo thỏa thuận nên ngày 02-9-2014, hai bên viết Bản cam kết trả nợ, với nội dung bà Nguyễn Thị T vay bà Nguyễn Thị Kim H 2.400.000.000đ theo Giấy vay tiền ngày 09-7-2014, bà cho bà Nguyễn Thị T 600.000.000đ bà Nguyễn Thị T còn phải trả 1.800.000.000đ, lộ trình trả nợ như sau:

- Từ ngày viết Bản cam kết trả nợ đến tháng 12-2015, trả 500.000.000đ, mỗi tháng phải trả ít nhất 30.000.000đ, thời hạn trả chậm nhất vào ngày 30 âm lịch hàng tháng.

- Năm 2016, 2017, mỗi năm trả 500.000.000đ, mỗi tháng phải trả ít nhất 30.000.000đ, thời hạn trả chậm nhất vào ngày 30 âm lịch hàng tháng.

- Đến tháng 12-2018, trả 300.000.000đ, mỗi tháng phải trả ít nhất 20.000.000đ, chậm nhất vào ngày 30 âm lịch hàng tháng.

Đồng thời, trong Bản cam kết trả nợ có ghi “*nếu bà T không trả đúng như cam kết trả tiền thì bà H vẫn yêu cầu bà T phải trả số tiền 2.400.000.000đ...như*

Giấy vay tiền ngày 9-07-2014 âm lịch". Bản cam kết trả nợ do bà Lê Thị H1 (khách đến mua vàng tại cửa hàng nhà bà H) viết hộ, đồng thời là người làm chứng.

Khi đọc lại "Bản cam kết trả nợ", bà phát hiện số tiền gốc bị viết sai, thiếu 29.000.000đ, nhưng do bà T cam kết miệng sẽ trả đủ và giục bà ký bản cam kết thứ nhất nên bà đã ký xác nhận vào bên cho vay, bà T ký bên vay, bà H1 ký là người làm chứng, bản cam kết trả nợ đầu tiên do bà giữ. Sau khi ký xong cam kết, bà T chỉ trả được 50.000.000đ nên trong lúc bà T đọc cho bà H1 chép lại Bản cam kết thứ hai (để cho bà T giữ), bà đem số tiền 50.000.000đ bà T vừa trả ra quây đếm tiền, cất tiền và lấy sổ bán hàng, viết tờ giấy có tiêu đề "*Giấy theo dõi trả nợ*" thể hiện nội dung theo cam kết bà cho bà T 600.000.000đ tiền gốc, bà T trả cho bà 50.000.000đ; sau khi tính toán, bà T còn nợ lại số tiền 1.856.400.000đ, có bà Lê Thị H1 ký là người làm chứng (bút lục 822), sau đó bà đưa "*Giấy theo dõi trả nợ*" cho bà T đem về. Hai bên thoả thuận miệng với nhau, khi ra trả tiền nợ các lần tiếp theo, bà T mang theo "*Giấy theo dõi trả nợ*" để bà nhận tiền và ký xác nhận vào giấy, cho bà T mang về theo dõi. Đối với việc thực hiện theo dõi trả nợ, bà tự theo dõi vào giấy "theo dõi lãi Thuận trả bà H", có chữ ký trả tiền lãi của bà T vào ngày 30-7-2014 và 30-8-2014 (bút lục 07, 823).

Ngày 30-9-2014 (tháng nhuận âm lịch), bà T mới trả cho bà được 10.000.000đ. Khi đó hai bên có cãi vã to tiếng do bà T không thực hiện đúng cam kết (trả ít nhất 30.000.000đ/tháng), bà yêu cầu bà T ký vào sổ của bà nhưng bà T không ký và bảo cứ ghi vào giấy "*theo dõi lãi Thuận trả bà H*" là được. Qua 02 tháng, bà T chỉ trả 10.000.000đ là không đúng kỳ hạn, không đủ số tiền theo phương án trả tiền tại "Bản cam kết trả nợ" mà hai bên đã thống nhất tới ngày 02-9-2014, do vậy bà không đồng ý cho bà T số tiền 600.000.000đ như bản cam kết trả nợ nữa, theo đó bà T phải thực hiện trả nợ cho bà theo Giấy vay tiền lập ngày 09-7-2014. Ngày 23-12-2018 là ngày cuối cùng cam kết, bà Nguyễn Thị T đã đem trả cho bà 50.000.000đ. Trong quá trình vay, bà Nguyễn Thị T đã trả cho bà được số tiền lãi là 188.400.000 đ. Mỗi lần phía bà T trả nợ, bà đều ghi vào sổ "theo dõi lãi Thuận trả bà H". Mỗi lần bà N ra trả tiền đều mang theo "*Giấy theo dõi trả nợ*". Tất cả các lần trả lãi này, bà đều ghi đầy đủ thời gian, nội dung trả tiền và có ký xác nhận bên cạnh.

Toàn bộ quá trình thu nợ ngay từ khi lập "Bản cam kết trả nợ" và "*Giấy theo dõi trả nợ*" chỉ có bà là người ký xác nhận tiền, không có việc chồng bà (ông Nông Phúc H) hoặc nhân viên (bà Nguyễn Thị T1) ký nhận.

Việc bà xé và đốt luôn tờ giấy có tiêu đề "*Giấy theo dõi trả nợ*" là do bà T viết chèn vào tờ "*Giấy theo dõi trả nợ*", nội dung viết chèn là ngày 23-12-2018 trả 50.000.000đ, lấy gốc là 1.800.000.000đ – 238.400.000đ = 1.561.600.000đ. Bà tiếp tục yêu cầu trả nợ nhưng bà T không trả.

Bà Nguyễn Thị Kim H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà số tiền **7.338.600.000đ** (bảy tỷ, ba trăm ba mươi tám triệu, sáu trăm nghìn đồng), trong đó:

- Số tiền gốc là **2.340.000.000đ**(hai tỷ, ba trăm bốn mươi triệu đồng);

- Số tiền lãi tính từ ngày 03-9-2014 âm lịch (tức ngày 26-9-2014 dương lịch) đến hết ngày 22-9-2025 dương lịch (10 năm, 11 tháng 27 ngày = 4.015 ngày), với mức lãi suất 20%/năm là 5.148.000.000đ (năm tỷ, một trăm bốn mươi tám triệu đồng), cộng với số tiền nợ lãi 39.000.000đ (ba mươi chín triệu đồng, đã làm tròn) chưa thanh toán, tổng cộng là 5.187.000.000đ (năm tỷ, một trăm tám mươi bảy triệu đồng). Sau khi trừ đi số tiền lãi 188.400.000đ (một trăm tám mươi tám triệu, bốn trăm nghìn đồng) mà bà Nguyễn Thị T đã trả, tổng số tiền lãi bà Nguyễn Thị T còn phải trả là **4.998.600.000đ** (bốn tỷ, chín trăm chín mươi tám triệu, sáu trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Kim H yêu cầu bà Nguyễn Thị T tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi bà T thi hành án xong theo quy định của pháp luật.

Ngoài các yêu cầu khởi kiện nêu trên, bà Nguyễn Thị Kim H còn yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2022/QĐ-BPKCTT ngày 26-5-2022 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lạng Sơn) đối với tài sản bị phong tỏa của người có nghĩa vụ là bà Nguyễn Thị T.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị T và những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Ngày 09-7-2014, bà và bà Nguyễn Thị Kim H có làm giấy vay nợ với nội dung bà vay số tiền 2.429.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 02%/tháng, thời gian vay là 01 tháng. Sau khi lập giấy vay tiền, bà và bà Nguyễn Thị Kim H đều ký vào giấy, có bà Nguyễn Thị T1 làm chứng.

Sau đó, đến ngày 02-9-2014 tại nhà bà H, bà và bà H có lập Bản cam kết trả nợ (nhờ bà Lê Thị H1 viết hộ, được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản), có nội dung bà Nguyễn Thị Kim H bớt cho bà số tiền 600.000.000đ nên bà chỉ phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền 1.800.000.000đ, tiền nợ trả vào ngày 30 âm lịch hàng tháng, thời hạn trả nợ đến hết năm 2018. Sau khi lập xong “Bản cam kết trả nợ”, bà đã trả cho bà H 50.000.000đ tiền gốc, có bà Lê Thị H1 làm chứng. Bà Nguyễn Thị Kim H đã trừ đuôi tiền vào bản “Phụ lục trả tiền nợ” mà bà Nguyễn Thị Kim H đã in cho bà. Tại phụ lục này, ghi trả số tiền 50.000.000đ vào ngày 03-9-2014, nhưng thực tế bà Nguyễn Thị Kim H nhận số tiền này vào tối ngày 02-9-2014.

Bà khẳng định bà đã thực hiện đúng theo bản cam kết trả nợ, từ ngày 03-9-2014 đến ngày 07-12-2018, bà đã trả cho bà H tổng số tiền 1.725.000.000đ. Giữa bà và bà Nguyễn Thị Kim H có làm “Phụ lục trả tiền nợ” (do bà H in sẵn, đưa cho bà). Mỗi lần trả nợ, bà H đều ghi rõ ngày trả tiền, số tiền trả, số tiền nợ còn lại và ký vào cột ký nhận của “phụ lục trả tiền nợ”. Có một vài lần chồng bà H là ông Nông Phúc H hoặc nhân viên nhà bà H là bà Nguyễn Thị T1 ký nhận thay,

do khi đến trả nợ bà H không có nhà. Ngoài ra, không có giấy theo dõi trả nợ hay bất kỳ giấy tờ nào khác.

Ngày 23-12-2018, em dâu bà là Lăng Thị Hồng N mang 50.000.000đ ra trả cho bà Nguyễn Thị Kim H thì bà Nguyễn Thị T1 đếm tiền và bỏ vào tủ, sau đó bà H không ký mà còn xé, đốt luôn bản gốc “Phụ lục trả tiền nợ” đi và bảo với bà N là đã trả hết thì xé đi. Tuy nhiên, do trước khi bà N mang tiền và phụ lục trả tiền nợ ra nhà bà Nguyễn Thị Kim H để trả tiền vào ngày 23-12-2018, bà đã chụp lại toàn bộ “Phụ lục trả tiền nợ” bằng điện thoại để làm bằng chứng đã trả tiền cho bà Nguyễn Thị Kim H. Do đó, quá trình giải quyết vụ án, bà chỉ cung cấp được bản in ảnh chụp của phụ lục trả tiền nợ, không còn lưu giữ bản chính.

Ngày 30-12-2018, bà đã bảo bà Lăng Thị Hồng N đem 25.000.000đ đến trả nốt cho bà Nguyễn Thị Kim H, nhưng khi đến nhà, bà H không nhận tiền. Bà khẳng định đã trả tiền cho bà H đủ số tiền là 1.775.000.000đ. Việc theo dõi trả nợ được thể hiện duy nhất tại “Phụ lục trả tiền nợ”, không thực hiện ký nhận tại bất kỳ giấy tờ nào khác. Việc bà H giao nộp “Giấy theo dõi trả nợ” để làm căn cứ giải quyết, bà không chấp nhận, giấy này do bà H tự viết, bà chưa thấy bao giờ. Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn, bà H có lời khai thừa nhận về việc ký nhận vào “*giấy ghi chép các số tiền trả nợ*” nên bà H cho rằng bà đã xé bản gốc “*Giấy theo dõi trả nợ*” vào ngày 23-12-2018 là không có căn cứ.

Tại Công văn số 05/CV-PC09 ngày 29-9-2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội đã thể hiện kết quả nghiên cứu không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa đối với 10 tập tin hình ảnh do bà Nguyễn Thị T cung cấp trong 01 USB Kingston DT G2 4GB. Do đó, bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H, bà chỉ đồng ý trả bà Nguyễn Thị Kim H số tiền 25.000.000đ còn nợ.

Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2022/QĐ-BPKCTT ngày 26-5-2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lạng Sơn), bị đơn bà Nguyễn Thị T cho rằng quyết định này đương nhiên bị huỷ bỏ theo Quyết định giám đốc thẩm số 51/2024/DS-ST ngày 11-9-2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Do vậy, bà Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu huỷ Quyết định về việc tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sử dụng đất, thay đổi hiện trạng tài sản ngày 27-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Lạng Sơn), gỡ bỏ việc ngăn chặn tài sản trên hệ thống công chứng.

Do Công văn số 05/CV-PC09 ngày 29-9-2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội được ban hành dưới hình thức công văn, không phải kết luận giám định nên bà Nguyễn Thị T đã đề nghị trung cầu giám định đối với 10 tập tin hình ảnh có bị cắt ghép, chỉnh sửa hay không.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nông Phúc H trình bày:

Thời gian từ cuối năm 2013 đến giữa năm 2014, ông có biết bà Nguyễn Thị T hay đến cửa hàng nhà ông mua vàng; còn việc bà Nguyễn Thị T vay vợ

ông (bà Nguyễn Thị Kim H) số tiền 2.429.000.000đ vào ngày 09-7-2014, ông chỉ nghe bà H nói lại. Ông không biết và không được ký vào bản Phụ lục trả tiền nợ; chữ ký trong bản ảnh Phụ lục trả tiền nợ không phải chữ ký của ông. Số tiền bà Nguyễn Thị Kim H cho bà Nguyễn Thị T vay là tiền kinh doanh của gia đình nên ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H.

Người làm chứng bà Lăng Thị Hồng N trình bày:

Bà là em dâu của bà Nguyễn Thị T. Bà không nhớ cụ thể thời gian nào, vào ngày cuối cùng hàng tháng, bà Nguyễn Thị T có nhờ bà cầm tiền trả cho bà Nguyễn Thị Kim H, với số tiền từ 15.000.000đ đến 40.000.000đ/01 lần trả. Mỗi lần trả tiền, bà H đều đưa tiền cho bà Nguyễn Thị T1 (nhân viên bán hàng của nhà bà H) đếm, còn bà H trực tiếp ký xác nhận đã nhận tiền vào tờ Phụ lục trả tiền nợ mà bà T đưa cho bà. Ngày 23-12-2018, bà đến nhà bà Nguyễn Thị Kim H để trả 50.000.000đ. Khi bà đưa số tiền 50.000.000đ và bản gốc Phụ lục trả tiền nợ cho bà H thì bà H đưa tiền cho bà Tâm đếm lại, còn tờ Phụ lục trả tiền nợ thì bà H không ký xác nhận như mọi lần mà xé bản gốc Phụ lục trả tiền nợ đi. Ngày 30-12-2018, bà Nguyễn Thị T tiếp tục đưa cho bà 25.000.000đ để mang trả cho bà H và đề nghị bà H viết giấy xác nhận đã trả hết nợ, nhưng bà H không nhận tiền và không ký xác nhận.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Bà là nhân viên bán hàng tại cửa hàng vàng bạc của bà Nguyễn Thị Kim H. Giấy vay tiền ngày 09-7-2014 do bà viết và ký xác nhận là người làm chứng. Ngày 30-7-2014, bà Nguyễn Thị T đến bảo bà H nộp tiền bắt họ thì bà H bảo bà ghi vào giấy “theo dõi lãi Thuận trả cho bà H” thể hiện bà T trả 4.000.000đ (trừ vào tiền đóng họ bà H phải nộp cho bà T) rồi đưa cho bà T ký xác nhận, không có việc giao trả tiền mặt (bút lục 07, 823). Thời gian sau, bà thấy em dâu của bà Nguyễn Thị T là bà Lăng Thị Hồng N đến trả tiền cho bà Nguyễn Thị Kim H. Bà H nhận tiền rồi đưa cho bà đếm, bà không biết bà N đã trả tiền bao nhiêu lần, mỗi lần trả là bao nhiêu. Bà chỉ nhớ lần gần nhất là ngày 23-12-2018, bà N có trả cho bà H 50.000.000đ, số tiền này sau khi nhận, bà H đưa cho bà đếm, sau đó bà H tự ghi vào sổ theo dõi. Bà khẳng định từ ngày 09-7-2014 đến nay, bà chưa lần nào được nhận tiền từ bà T trả cho bà H; không được ký vào phụ lục trả tiền nợ hay bất cứ giấy tờ nào của bà T.

Người làm chứng bà Lê Thị H1 trình bày:

Ngày 02-9-2014, bà đến cửa hàng vàng bạc của bà Nguyễn Thị Kim H để mua vàng, thì bà được nhờ viết hộ Bản cam kết trả nợ giữa bà Nguyễn Thị Kim H và bà Nguyễn Thị T. Nội dung Bản cam kết trả nợ do bà Nguyễn Thị T đọc cho bà viết, lập thành 02 (hai) bản có nội dung giống nhau, trong đó, bà ký làm chứng vào 01 bản. Bà thấy bà T trả cho bà H một cọc tiền mệnh giá 500.000đ nhưng không biết tổng cộng là bao nhiêu tiền. Sau đó, bà H có lấy một tờ giấy từ sổ ở quầy vàng vào và viết “giấy theo dõi trả nợ”, có nội dung bà T trả cho bà H 50.000.000đ và bảo bà ký là người làm chứng. Bà thừa nhận có được ký tên làm

chứng vào “*giấy theo dõi trả nợ*” do bà H viết. Bà H đưa “*giấy theo dõi trả nợ*” cho bà T cầm về và thỏa thuận miệng với nhau rằng khi nào bà T ra trả tiền thì cầm theo “*giấy theo dõi trả nợ*” để bà H nhận tiền và ký xác nhận. Ngày 03-9-2014, bà không gặp bà T, bà H; bà không biết về phụ lục trả tiền nợ của bà T; việc trả nợ sau đó giữa bà Nguyễn Thị Kim H và bà Nguyễn Thị T như thế nào thì bà không biết.

Bà Nông Thị Thiên T3 trình bày: Bà không biết gì về vụ việc này; bà không được chứng kiến, không tham gia; không trực tiếp đưa, nhận tiền hoặc có bất kỳ tác động nào đến việc vay, trả tiền của hai bên; những thông tin bà nắm được qua cuộc điện thoại với bà Nguyễn Thị T hay bà Nguyễn Thị Kim H nói lại chỉ là chia sẻ ở góc độ cá nhân, một phía nên bà không phải là người làm chứng và từ chối tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng. Bà khẳng định việc bà làm đơn xin từ chối tham gia tố tụng trong các giai đoạn tố tụng trước đây là hoàn toàn tự nguyện, đúng sự thật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 21-8-2020 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 01/2020/QĐ-SCBSBA ngày 01-9-2020, Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H; buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền 2.379.000.000đ (hai tỷ ba trăm bảy mươi chín triệu đồng) nợ gốc. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim H đòi 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) nợ gốc do bà Nguyễn Thị T đã thanh toán. Không xem xét giải quyết về nợ lãi do bà Nguyễn Thị Kim H đã rút yêu cầu. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu lãi chậm trả, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 66/2020/DS-ST ngày 14-12-2020, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H; buộc bà Nguyễn Thị T phải trả nợ cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền 2.340.000.000đ (hai tỷ ba trăm bốn mươi triệu đồng). Ngoài ra, Bản án phúc thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu lãi chậm trả, án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 11/2022/DS-GĐT ngày 28-02-2022 của Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định hủy toàn bộ hai Bản án nêu trên, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 17-01-2023, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H; buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền 2.340.000.000đ (hai tỷ, ba trăm bốn mươi triệu đồng) nợ gốc. Không chấp nhận phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim H đòi bà Nguyễn Thị T thanh toán nợ gốc tổng số tiền 89.000.000đ (tám mươi chín triệu đồng). Buộc bà Nguyễn Thị T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Kim H tổng số tiền nợ lãi tính trên nợ gốc là 3.736.923.000đ. Tổng số tiền

gốc và lãi bị đơn bà Nguyễn Thị T phải trả là 6.076.923.000đ. Ngoài ra Bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả, nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 34/2023/DS-PT ngày 26-5-2023, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 17-01-2023 của Tòa án nhân dân huyện H.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 51/2024/DS-GĐT ngày 11-9-2024 của Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 34/2023/DS-PT ngày 26-5-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn và Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 17-01-2023 của Tòa án nhân dân huyện H, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện H giải quyết sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2025/DS-ST ngày 22-9-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lạng Sơn, đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H, cụ thể: Buộc bà Nguyễn Thị T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền nợ gốc là 2.340.000.000đ và số tiền nợ lãi tính trên nợ gốc là 4.998.600.000đ. Tổng số tiền gốc và lãi bị đơn bà Nguyễn Thị T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 7.338.600.000đ. Ngoài ra Bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả, nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Trong thời hạn luật định, bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2025/DS-ST ngày 22-9-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lạng Sơn. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại cấp phúc thẩm: Theo yêu cầu của bị đơn bà Nguyễn Thị T, Tòa án tiến hành trưng cầu giám định đối với 10 (mười) tập tin hình ảnh được lưu trữ trong 01 USB Kingston DT101G2 4GB. Tại Kết luận giám định số 230/KL-KTHS ngày 10-02-2026 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: 10 (mười) tập tin hình ảnh gửi giám định không có cắt ghép, chỉnh sửa.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Bị đơn bà Nguyễn Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2025/DS-ST ngày 22-9-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án:

1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai của các đương sự tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp. Với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai nguyên đơn, bị đơn; lời khai những người làm chứng, căn cứ bản kết luận giám định số 230/KL-KTHS ngày 10-02-2026 của Công an tỉnh Lạng Sơn xác định bị đơn bà Nguyễn Thị T đã trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H số tiền 1.775.000.000đ. Do bà T không trả nợ tiền gốc đúng lộ trình như Bản cam kết trả nợ ngày 02-9-2014 âm lịch nên số tiền gốc bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 2.400.000.000đ. Xác định bị đơn đã trả cho nguyên đơn 1.775.000.000đ, số tiền gốc, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn **625.000.000đ** tiền gốc đã vay theo Giấy vay nợ và tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ (ngày 30-12-2018 âm lịch).

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2022/QĐ-BPKCTT ngày 26-5-2022 của TAND huyện H (nay là TAND khu vực 4-Lạng Sơn).

Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2025/DS-ST ngày 22-9-2025 của TAND khu vực 4-Lạng Sơn theo hướng phân tích nêu trên.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu không được chấp nhận; bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có người đại diện hợp pháp có mặt tại phiên tòa; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn vắng mặt nhưng bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt những người này, do vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 294, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, thấy rằng:

[3] Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có Giấy vay tiền ngày 09-7-2014 với số tiền 2.429.000.000đ, không ghi là tiền gốc cộng với tiền lãi chót từ các lần vay trước đó. Tại Bản cam kết trả nợ lập ngày 02-9-2014 có chữ ký xác nhận của người vay, người cho vay và người làm chứng, các bên đã xác nhận lại số tiền cho vay (tự làm tròn là 2.400.000.000đ) và thỏa thuận kỳ hạn, lộ trình trả nợ theo tháng, theo năm đến tận cuối năm 2018. Bà Nguyễn Thị Kim H cho bà T 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng); nếu bà T không trả đúng như cam kết thì bà H sẽ vẫn yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả nợ 2.400.000.000đ như Giấy vay tiền ngày 09-7-2014. Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận Giấy vay tiền ngày 09-7-2014 và Bản cam kết trả nợ ngày 02-9-2014 được thiết lập hoàn toàn tự nguyện, đúng với ý chí của các bên, không ai bị lừa dối, đe dọa hay ép buộc; cũng không ai có ý kiến phản đối hay bác bỏ nên đây là tình tiết không phải chứng minh.

[4] Bị đơn Nguyễn Thị T cho rằng sau khi lập Bản cam kết trả nợ lập ngày 02-9-2014 có chữ ký xác nhận của người vay, người cho vay và người làm chứng, các bên đã xác nhận lại số tiền cho vay (tự làm tròn là 2.400.000.000đ) và thỏa thuận kỳ hạn, lộ trình trả nợ theo tháng, theo năm đến tận cuối năm 2018, nếu bà Nguyễn Thị T trả đúng như cam kết trả tiền thì bà Nguyễn Thị Kim H sẽ bớt cho 600.000.000đ. Theo Bản cam kết trả nợ thì bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền $2.400.000.000đ - 600.000.000đ = 1.800.000.000đ$. Ngay sau khi lập bản cam kết trả nợ thì bà Nguyễn Thị T đã trả cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền 50.000.000đ được trừ vào tiền nợ gốc. Các bên đều xác nhận tại ngày ký Bản cam kết trả nợ bị đơn đã trả cho nguyên đơn 50.000.000đ.

[5] Bà Nguyễn Thị Kim H cho rằng bà Nguyễn Thị T chỉ trả được số tiền 238.400.000đ (50.000.000đ tiền gốc; 188.400.000đ tiền lãi). Bị đơn bà Nguyễn Thị T cho rằng bị đơn đã trả cho nguyên đơn tổng số tiền 1.775.000.000đ. Thấy rằng, theo lời khai của bị đơn thì nguyên đơn đã xé bản “Phụ lục trả tiền nợ” trong đó có thể hiện nội dung bị đơn trả tiền cho nguyên đơn số tiền 1.775.000.000đ. Nguyên đơn khẳng định đã xé “Giấy theo dõi trả nợ” không phải xé “phụ lục trả nợ” như lời khai của bị đơn nhưng nguyên đơn không cung cấp được tài liệu gì chứng minh cho việc xé “Giấy theo dõi trả nợ”. Bị đơn cung cấp được hình ảnh thể hiện việc đã trả tiền cho nguyên đơn trong đó thể hiện số tiền đã trả là 1.775.000.000đ.

[6] Tại cơ quan điều tra Nguyễn Thị Kim H khai: “... Thuận cho em dâu của Thuận cầm tiền ra nhà tôi để trả nợ vào các cuối tháng âm lịch, mỗi lần em dâu của bà T ra trả tiền đều cầm theo giấy ghi chép các số tiền trả nợ trước đó. Sau khi gặp tại nhà tôi thì em dâu của T sẽ đưa tiền cho tôi hoặc T1 để đếm, sau khi đếm và xác nhận đủ thì tôi viết nội dung ngày trả và số tiền trả sau đó tôi ký xác nhận bên cạnh. Sau đó giấy này lại được em dâu của Thuận cầm về và lập lại tương tự vào các lần trả sau. Đến ngày 23/12/2018 âm lịch, sau nhiều lần trả tiền lãi, em dâu Thuận đem số tiền 50.000.000đ ra nhà tôi và có đem theo giấy có ghi

chép các lần trả lãi trước đó. Tôi nhận số tiền 50.000.000đ thì em dâu của T đưa giấy cho tôi để ký xác nhận như các lần trước đó... bản thân tôi nảy sinh tâm lý bức tức nên đã cầm tờ giấy ghi chép các lần trả lãi xé đi và đã đốt đi". Quá trình giải quyết vụ án, bà H thừa nhận xé và đốt tờ giấy ghi chép các lần trả lãi nhưng lại cho rằng tài liệu đã bị đốt và xé là “Giấy theo dõi trả nợ”, không phải là Phụ lục trả nợ, tuy nhiên việc bà H tự xác định chỉ xé “Giấy theo dõi trả nợ” là không có căn cứ.

[7] Đối với bản Phụ lục trả tiền nợ, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng minh bản thân xé là “Giấy theo dõi trả nợ”, bị đơn cung cấp được hình ảnh thẻ bản phụ “Phụ lục trả tiền nợ”. Tại Công văn số 05/CV-PC09 ngày 29-9-2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội (*gọi tắt là Công văn số 05*) về việc trả lời yêu cầu xác định tập tin hình ảnh có bị cắt ghép, chỉnh sửa hay không; nội dung trong Công văn thể hiện kết quả nghiên cứu không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa đối với 10 tập tin hình ảnh do bà Nguyễn Thị T cung cấp trong 01 USB Kingston DT G2 4GB. Tại cấp phúc thẩm, Toà án đã trưng cầu giám định, tại Kết luận giám định số: 230/KL-KTHS ngày 10-02-2026 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: 10 (mười) tập tin hình ảnh (Bản phụ lục trả tiền nợ) gửi giám định không có cắt ghép, chỉnh sửa. Như vậy, Bản phụ lục trả tiền nợ không có dấu hiệu bị cắt ghép, chỉnh sửa. Đây là tình tiết cấp phúc thẩm mới thu thập bổ sung.

[8] Như vậy, căn cứ lời khai của nguyên đơn tại Cơ quan điều tra, bản ảnh Phụ lục trả tiền nợ (không bị cắt ghép, chỉnh sửa), căn cứ vào Vi bằng lập ngày 11-08-2021 của Văn phòng Thừa phát lại H và lời khai của những người làm chứng Nguyễn Thị T1, Lăng Thị Hồng N có trong hồ sơ vụ án thì lời trình bày của bị đơn Nguyễn Thị T về việc đã trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Kim H số tiền 1.775.000.000đ theo Phụ lục trả tiền nợ là có căn cứ. Do đó, có cơ sở để chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn.

[9] Bản cam kết trả nợ ngày 02-9-2014 nguyên đơn đồng ý trừ cho bị đơn 600.000.000đ tiền nợ gốc. Tuy nhiên, bị đơn phải trả tiền theo cam kết trả tiền theo lộ trình mà các bên đã thông nhất. Tại Cam kết trả nợ từ ngày ký Cam kết trả nợ đến tháng 12-2015 phải trả 500.000.000đ, mỗi tháng trả ít nhất 30.000.000đ. Theo tài liệu Phụ lục trả nợ thể hiện từ ngày ký cam kết đến tháng 12-20215, bị đơn trả được 350.000.000đ không đúng như thỏa thuận giữa các bên. Thấy rằng, việc nguyên đơn trừ cho bị đơn số tiền 600.000.000đ là thỏa thuận có điều kiện. Bị đơn đã vi phạm điều kiện cam kết trả nợ nên số tiền 600.000.000đ không được trừ vào số tiền gốc.

[10] Bị đơn vi phạm về lộ trình trả nợ theo bản Cam kết trả nợ mà các bên đã thỏa thuận, nhưng từ khi phía bị đơn vi phạm thì hàng tháng vẫn trả tiền cho nguyên đơn, tuy nhiên số tiền trả không đúng như lộ trình trả nợ đã cam kết. Tính từ ngày 03-9-2014 đến ngày 23-12-2018 nguyên đơn đã trả được cho bị đơn số tiền 1.775.000.000đ. Theo Cam kết trả nợ bị đơn còn thiếu 25.000.000đ cần phải trả cho nguyên đơn, ngày bị đơn trả tiền lần cuối cùng cho nguyên đơn là ngày

23-12-2018 âm lịch, đến ngày 30-12-2018 âm lịch bị đơn tiếp tục thực hiện việc trả nợ nhưng nguyên đơn không nhận. Do vậy bị đơn còn phải trả tiền gốc cho nguyên đơn là 625.000.000đ. Lãi suất mà bị đơn phải chịu được tính từ ngày tiếp theo là ngày 01-01-2019 âm lịch, tương ứng là ngày 05-02-2019 dương lịch.

[11] Lãi suất được tính như sau: Theo thỏa thuận của các bên là 2%/tháng tương ứng với 24%/năm vượt quá quy định của pháp luật cho phép. Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn đề nghị áp dụng mức lãi suất 20%/năm là phù hợp nên được chấp nhận. Số ngày chậm trả tính từ ngày 05-02-2019 đến ngày 21-8-2020 (ngày xét xử sơ thẩm lần đầu) là 563 ngày được tính lãi suất là 20%. Do vụ án bị kéo dài do lỗi của cơ quan tiến hành tố tụng, không phải do lỗi của đương sự, nên lãi suất từ ngày 22-8-2020 (sau ngày xét xử sơ thẩm lần đầu) đến ngày xét xử sơ thẩm (17-4-2026) lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 là 10% với thời gian là 2.065 ngày. Cụ thể:

Số tiền vay	Lãi suất vay	Số ngày tính lãi	Lãi tiền vay
625.000.000	20%	05-02-2019 đến 21-8-2020 (563 ngày)	192.800.000
625.000.000	10%	22-8-2019 đến 17-4-2026 (2.065 ngày)	353.590.000
Tổng cộng:			546.390.000

[12] Từ những phân tích nêu trên, bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 625.000.000 đồng và tiền lãi là 546.390.000đ, tổng cộng là 1.171.390.000đ.

[13] Về hiệu lực của biện pháp khẩn cấp tạm thời, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của bà Nguyễn Thị T. Tổng số tiền bị đơn phải thanh toán 1.171.390.000đ là nhỏ hơn trị giá tài sản bị phong tỏa. Vì vậy, cần hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2022/QĐ-BPKCTT ngày 26-5-2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lạng Sơn). Đồng thời, hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2025/QĐ-BPBD ngày 18-7-2025, bà Nguyễn Thị Kim H được nhận lại số tiền 347.000.000đ (ba trăm bốn mươi bảy triệu đồng) đã gửi vào tài khoản phong tỏa số 295704010006241 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố H, chi nhánh tỉnh Lạng Sơn, phòng giao dịch huyện H.

[14] Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu chi phí vận chuyển mẫu giám định vào các ngày 25-8-2022 và 22-9-2022 với số tiền là 3.000.000đ, xác nhận đã thi hành đủ theo chứng từ giao nhận ngày 14-10-2022.

[15] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim H về việc đòi lại tài sản; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị T.

[16] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần không được chấp nhận là 6.167.210.000đ tương ứng là 114.167.000đ để nộp sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận nguyên đơn đã nộp 57.526.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004989 ngày 21-02-2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 Lạng Sơn). Bà Nguyễn Thị Kim H còn phải nộp tiếp 56.641.000đ để sung ngân sách Nhà nước. Bị đơn Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền nguyên đơn được chấp nhận 1.171.390.000đ tương ứng là 47.142.000đ để sung ngân sách Nhà nước.

[17] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000452 ngày 07-10-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

[18] Xét ý kiến ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2025/DS-ST ngày 22-9-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lạng Sơn, cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 120; Điều 280; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 136, Điều 138, Điều 147 và Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 26 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Về yêu cầu khởi kiện

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H; buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền gốc là 625.000.000đ

và tiền lãi là 546.390.000đ, tổng cộng là **1.171.390.000đ** (một tỷ một trăm bảy mươi một triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng).

2. Không chấp nhận đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả với số tiền **6.167.210.000đ** (sáu tỉ một trăm sáu mươi bảy triệu hai trăm mười nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

II. Về xử lý biện pháp bảo đảm và quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

1. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2022/QĐ-BPKCTT ngày 26-5-2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lạng Sơn).

2. Hủy bỏ Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2025/QĐ-BPBD ngày 18-7-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Lạng Sơn. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền 347.000.000đ (ba trăm bốn mươi bảy triệu đồng) đã gửi vào tài khoản phong tỏa số 295704010006241 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố H, chi nhánh tỉnh Lạng Sơn, phòng giao dịch huyện H.

III. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu chi phí vận chuyển mẫu giám định vào các ngày 25/8/2022 và 22/9/2022 với số tiền là 3.000.000đ, xác nhận đã thi hành đủ theo chứng từ giao nhận ngày 14/10/2022.

IV. Về án phí dân sự sơ thẩm

1. Nguyên đơn Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 114.167.000đ để nộp sung ngân sách Nhà nước. Xác nhận nguyên đơn đã nộp 57.526.000đ theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004989 ngày 21-02-2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 Lạng Sơn). Bà Nguyễn Thị Kim H còn phải nộp tiếp 56.641.000đ (năm mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

2. Bị đơn Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 47.142.000đ (bốn mươi bảy triệu một trăm bốn mươi hai nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

V. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị T, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, ký hiệu BLTU/25E, số 0000452 ngày 07-10-2025 nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tối cao;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TANDKV 4 - Lạng Sơn;
- VKSNDKV 4 - Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng THADSKV 4 - tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
- Người TGTT khác;
-
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phùng Đức Chính